

CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XNK LẠNG SƠN

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

**CỦA CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ XUẤT NHẬP KHẨU
LẠNG SƠN**

Mã chứng khoán: DXL

Lạng sơn, ngày 08 tháng 04 năm 2023

Phụ lục IV**CÔNG TY CP DU LỊCH VÀ
XUẤT NHẬP KHẨU LANG SON****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 32/BC-DLXNK

Lạng Sơn, ngày 08 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO
Thường niên năm 2022**Kính gửi: - Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**I. Thông tin chung****1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900101456
- Vốn điều lệ: 39.579.000.000,
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 39.579.000.000,
- Địa chỉ: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, Phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn
- Số điện thoại: 0205 3 814 848
- Số fax:
- Website: www.tocolimexlangson.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): DXL

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: Ngày thành lập: 26/8/2005 theo quyết định của số 1710/QĐ-UBND-KT ngày 26/08/2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Lạng Sơn, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn thành Công ty cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn (sau đây gọi tắt là Công ty). Công ty được Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 06/12/2019.

- Các sự kiện khác:

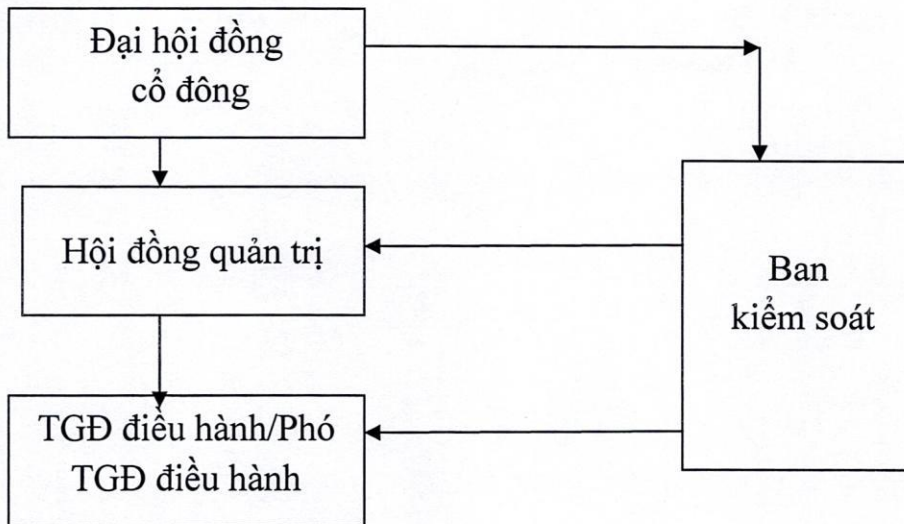
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống; Sản phẩm rượu Mẫu Sơn ...

- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu bộ máy quản lý: Cơ cấu bộ máy quản lý được thực hiện và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, các luật liên quan và Điều lệ Công ty đã được sửa đổi bổ sung và ban hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

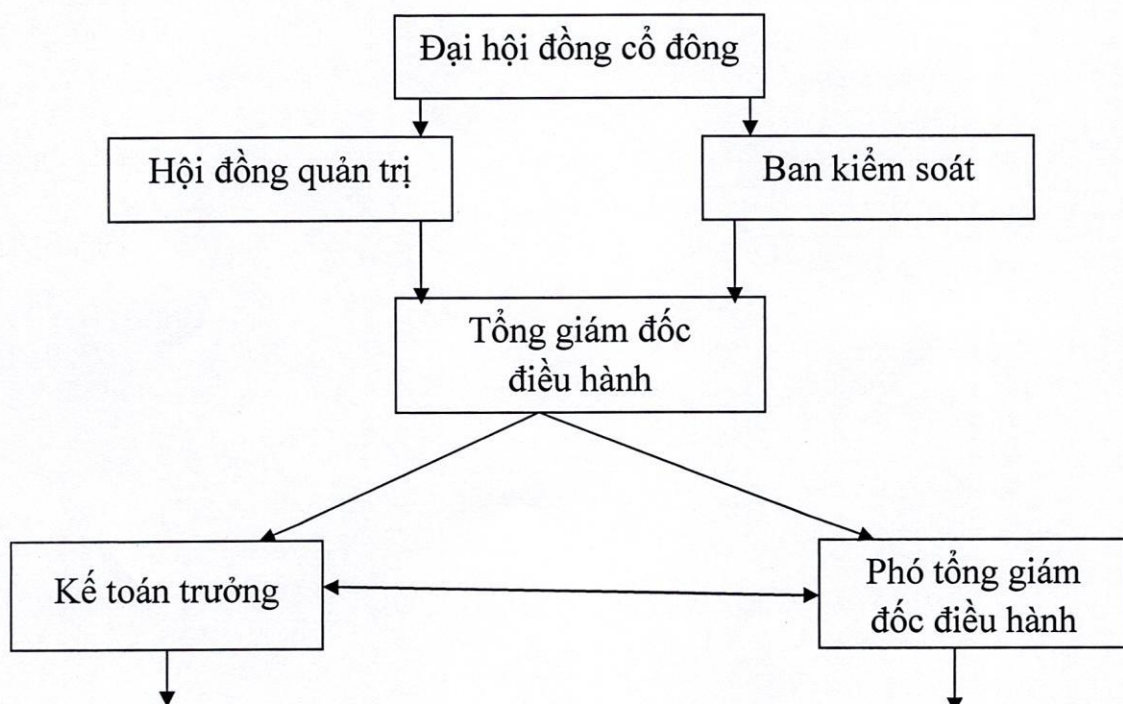
+ Đại hội cổ đông của Công ty là cơ quan cao nhất có thẩm quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo luật định và Điều lệ Công ty.

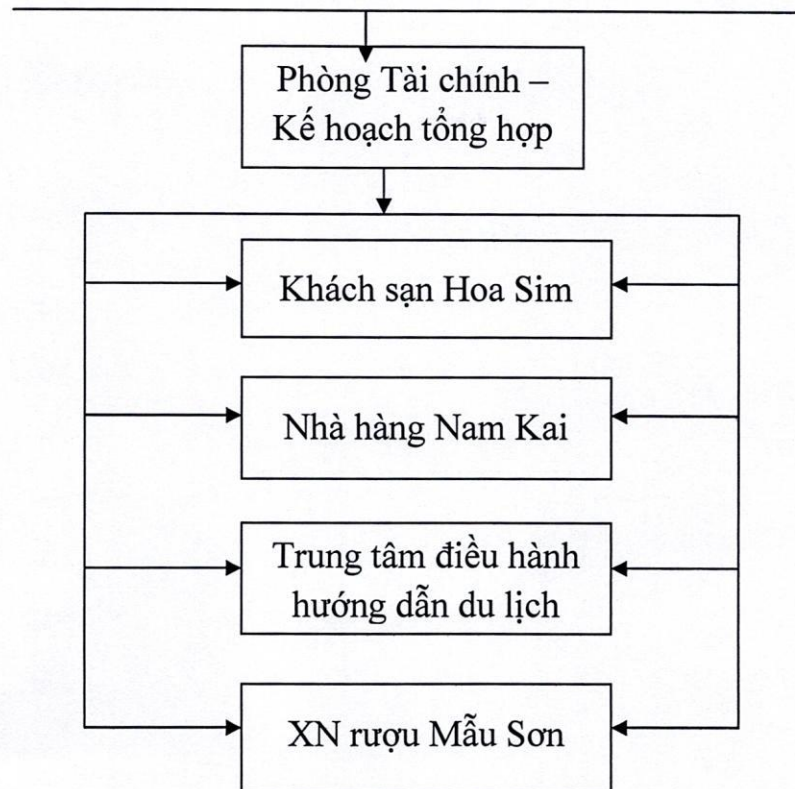
+ Hội đồng quản trị: Do Đại hội đồng cổ đông bầu và là Bộ phận quản lý của Công ty có quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc Đại hội cổ đông quyết định

+ Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty.

+ Ban điều hành Công ty gồm: 01 Tổng giám đốc, 01 Phó tổng giám đốc và 01 Kế toán trưởng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình như sau:





- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển.

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, chất lượng phục vụ, nghiên cứu và đưa ra thị trường các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường, các nguyên liệu đầu vào rõ nguồn gốc xuất xứ, sản phẩm Rượu có tem mác rõ ràng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Nâng cấp khách sạn khách sạn Hoa sim, nhà hàng Hoa Sim, tiếp tục nghiên cứu phát triển thêm một số sản phẩm rượu Mẫu Sơn; Đẩy mạnh thị trường du lịch nội địa, mở rộng kinh doanh du lịch quốc tế sang các nước Lào, Thái Lan, Campuchia, Singapore, Hàn Quốc ...

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Công ty tiếp tục tập trung phát triển các dịch vụ khách sạn- nhà hàng, du lịch và sản phẩm rượu Mẫu Sơn là những sản phẩm đã có thương hiệu của Công ty. Thực hiện bảo vệ môi trường bằng việc xử lý rác thải lỏng và rác thải rắn hàng ngày, không để tồn đọng. Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như: Ủng hộ quỹ Mái ấm công đoàn, Tặng học bổng các cháu xã Công sơn đang học đại học (04 cháu), ủng hộ Liên đoàn Thành phố tổ chức tết Trung Thu, Ủng hộ kinh phí tổ chức Lễ hội Trăng rằm Xứ Lạng, ủng hộ kinh phí Tổ chức ngày hội Doanh nhân của Hiệp hội doanh nghiệp, ủng hộ thành phố Lạng Sơn tổ chức 20 năm ngày thành lập và đón nhận huân chương lao động hạng Ba với tổng số tiền là: 53.140.000 đồng.

5. Các rủi ro: Do dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế (đến Trung Quốc) bị tạm ngừng, hoạt động du lịch nội địa cũng bị giám sát.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Lợi nhuận năm 2022 (sau thuế thu nhập doanh nghiệp): 509.369.369 đồng.

Năm 2022 Trong 06 tháng đầu năm Công ty tiếp tục chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch covid-19, các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là mảng du lịch hầu như không có khách. Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp để thích ứng kinh doanh trong tình hình mới. Sau khi dịch bệnh tạm thời được khống chế công ty đã đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh, đặc biệt là mảng khách sạn – nhà hàng và sản phẩm rượu mầu son, riêng mảng du lịch nội địa thì hoạt động cầm chừng, mảng du lịch quốc tế thì vẫn tạm ngừng do Trung quốc chưa mở cửa cho khách du lịch. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tuy gặp khó khăn nhưng Công ty đóng đầy đủ các chế độ lương, bảo hiểm cho người lao động theo quy định.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH 2022	TH năm 2022	% TH/KH
1	Doanh Thu	15.596.313.436	17.642.400.000	18.032.723.645	102,2%
2	Chi phí	15.638.063.673	16.142.400.000	17.523.354.276	108,5%
3	Lợi nhuận	-41.750.237	1.500.000.000	509.369.369	33,9%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, tại thời điểm tháng 03/2023:

STT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Địa chỉ Thường trú	Chức vụ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)
1	Nguyễn Kim Thảo	Nữ	1968	Số 77 Đường Ngô Quyền, Phường Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Chủ tịch HĐQT, Phó tổng giám đốc điều hành	784.301	19,81
2	Đậu Trường Sinh	Nam	1974	Số 551, Đường Hùng Vương, Thôn Mai Thành, Xã Mai Phan, TP Lạng Sơn	Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành kiêm giám đốc KS Hoa Sim	558.042 CP	14,09
3	Vũ Mộng Nương	Nữ	1968	Số 36, Đường Lê Hồng Phong, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn	UV HĐQT (không điều hành)	162.897CP	4,11
4	Đỗ Thu Huyền	Nữ	1981	Số 7, Ngõ 2, đường Chu Văn An, P. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn	Trưởng ban kiểm soát	64.843 CP	1,63%
5	Bế Thị Thu Hương	Nữ	1979	Tổ 5, khối 8, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	Thành viên ban kiểm soát	500	0,01
6	Nguyễn Mai Thương	Nữ	1994	Số 1 Phùng Chí Kiên, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	Thành viên BKS	106.913CP	2,70%
7	Lê Văn Do	Nam	1974	Chi Mạc, Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn	Kế toán trưởng kiêm TP Tài chính - KHTH	500	0,01

- Những thay đổi trong ban điều hành: Tại đại hội thường niên năm 2022 bầu 03 thành viên Hội đồng quản trị (là những thành viên cũ) và 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 (trong đó 01 thành viên ban kiểm soát mới).

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ nhân viên 48 người, việc làm của người lao động tương đối ổn định. Người lao động được ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã

hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp đầy đủ (trừ lao động là hưu trí thì được và cùng lương), người lao động được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các tổ chức Đảng, công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Công ty vẫn đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thảo Viên dự án Khu dân cư khối 3, Phường Hoàng Văn Thụ từ ngày 31/12/2020 đến 31/12/2022 (dự án 02 năm), với số vốn góp 22.849.419.160đ.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	45.134.680.997	44.356.615.243	Tăng 1,7%
Doanh thu thuần	16.310.765.369	13.892.821.666	Tăng 17,4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	723.294.745	53.834.235	Tăng 1.243,7%
Lợi nhuận khác	8.217.314	- 67.705.903	Tăng
Lợi nhuận trước thuế	668.691.781	- 13.871.668	Tăng
Lợi nhuận sau thuế	509.369.369	- 41.750.237	Tăng
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	128,70	- 10,55	Tăng
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	8.94	1.034	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/</u> Nợ ngắn hạn	6.39	6.97	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			

+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.03	0.02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.03	0.03	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3.61	2.88	
+ Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0.36	0.31	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.031	1.06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.011	0.04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.01	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.044	0.11	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 14/4/2022 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Báo cáo mua, bán cổ phần của người nội bộ, người có liên quan và cổ đông lớn năm 2022, Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến tháng 03/2023 cụ thể như sau:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 3.957.900 CP.
- + Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.949.570 CP.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 8.330 CP.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn: 05 cổ đông, nắm giữ 3.245.536 CP chiếm 82%
- Cổ đông nhỏ: 148 cổ đông, nắm giữ 712.364CP chiếm 18%
- Cổ đông tổ chức: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760 CP chiếm 1,87%
- Cổ đông cá nhân: 151 cổ đông, nắm giữ 3.884140 CP chiếm 98,13%
- Cổ đông trong nước: 151 cổ đông, nắm giữ 3.884.140CP chiếm 98,13%
- Cổ đông nước ngoài: 02 cổ đông, nắm giữ 73.760CP chiếm 1,87%
- Cổ đông nhà nước: Không
- Cổ đông khác: không

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Năm 2010 chào bán cổ phiếu ra công chúng, số lượng phát hành 268.900 CP, trị giá 2.689.000.000đồng, đối tượng chào bán: cán bộ nhân viên người lao động của công ty, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Năm 2018 chào bán cổ phiếu riêng lẻ, số lượng cổ phiếu phát hành 1.000.000 CP, giá trị 10.000.000.000 đồng, đối tượng chào bán: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh, đơn vị cấp Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn không phát thải khí nhà kính.

Hàng năm các đơn vị chi nhánh sản xuất của công ty đều được công ty môi trường đến kiểm tra, đo mức độ ô nhiễm môi trường ở khu vực hoạt động và đều được đánh giá an toàn, không sảy ra vi phạm.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính: Tổng lượng rượu Mẫu sơn sử dụng để đóng bình: 9.976 lít, Tổng số bình dùng để đóng rượu: 30.597 bình

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng sử dụng chủ yếu là điện thấp sáng, sử dụng điều hòa và các quạt thông gió, quạt điện, bếp từ, tổng số tiền điện là 501.426.000 đồng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh do Công ty cấp thoát nước Lạng Sơn cung cấp. Tổng số tiền nước dùng trong năm: 86.364.000 đồng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số lao động của công ty đến thời điểm tháng 03/2023 là: 48 người, mức lương trung bình đạt 5.300.000 đồng/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động về lao động, tiền lương, việc làm và các chế độ chính sách đối với người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Người lao động được công ty đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. Người lao động trực tiếp được khám sức khỏe định kỳ một năm 01 một lần. Các chế độ phúc lợi của người lao động được thực hiện như thăm hỏi khi ốm đau, gia đình gặp khó khăn. Trong năm Công ty phối hợp với công đoàn cơ sở tổ chức cho CBNV – người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày phụ nữ Việt Nam 20/10.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Công ty thường xuyên thực hiện đào tạo tại chỗ đối với lao động trực tiếp người lao động được đào tạo tại chỗ 06 ngày/năm

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các cán bộ chủ chốt của công ty được cử đi tập huấn kỹ năng nghề nghiệp về quản lý điều hành để phục vụ cho công việc.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như: Ủng hộ quỹ Mái ấm công đoàn, Tặng học bổng các cháu xã Công sơn đang học đại học (04 cháu), ủng hộ Liên đoàn Thành phố tổ chức tết Trung Thu, Ủng hộ kinh phí tổ chức Lễ hội Trăng rằm Xứ Lạng, ủng hộ kinh phí Tổ chức ngày hội Doanh nhân của Hiệp hội doanh nghiệp, ủng hộ thành phố Lạng Sơn tổ chức 20 năm ngày thành lập và đón nhận huân chương lao động hạng Ba với tổng số tiền là: 53.140.000 đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty: Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn hoạt động đa ngành nghề, nhưng các lĩnh vực chính đang thực hiện kinh doanh là dịch vụ khách sạn – nhà hàng, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm rượu Mẫu Sơn v.v... Năm 2022 Công ty vẫn chịu ảnh hưởng ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên Ban giám đốc điều hành công ty việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, không được thuận lợi. Công ty đã thực hiện nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng phục vụ, đưa ra các món ăn cả Việt Nam và Trung Quốc để phục vụ khách hàng. Tuy nhiên do ảnh hưởng của Dịch bệnh, kinh tế suy giảm kinh tế và tâm lý e ngại của người dân nên hoạt động kinh doanh bước vào quý III với có tiến triển. Hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành bắt đầu hoạt động trở lại từ quý II sau 2 năm tạm ngừng kinh doanh, chủ yếu tập trung khai thác khách nội địa, khách du lịch địa phương đi tham quan du lịch trong nước. Thị trường khách du lịch quốc tế truyền thống xuất, nhập cảnh trung quốc chưa mở cửa trở lại do Trung Quốc vẫn đang thực hiện chính sách Zero Covid, nhìn chung lượng sách còn thấp, hiệu quả kinh doanh thấp, dẫn đến kết quả kinh doanh chung của công ty không đạt theo kế hoạch đề ra.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Không có

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản: Tổng tài sản năm 2022 là 45.134.680.997 đồng (Bốn mươi lăm tỷ một trăm ba tư triệu sáu trăm tám mươi nghìn chín trăm chín bảy đồng).

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2022	2021	Chênh lệch
1	Tài sản ngắn hạn	13.730	12.893	837
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	7.746	6.492	1.254
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	

	- Các khoản phải thu ngắn hạn	1.927	1.909	837
	- Hàng tồn kho	3.909	4.194	-285
	- Tài sản ngắn hạn khác	146	296	-150
2	Tài sản dài hạn	31.403	31.463	-60
	Trong đó			
	- Phải thu dài hạn	23.269	21.576	1.693
	- Tài sản cố định	5.518	6.985	-1.467
	- Tài sản dở dang dài hạn	365	635	
	- Tài sản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
	- Tài sản dài hạn	1.980	2.265	-285
	Tổng tài sản	45.134	44.356	

Tổng tài sản năm 2022 tăng so với năm 2021: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả của công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 1.565.326.445 đồng (*Một tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu ba trăm hai sáu nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng*), trong đó nợ ngắn hạn 1.553.326.445 đồng, nợ dài hạn 30.000.000đ. Không có nợ xấu.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: không có.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Năm 2023 Công ty không có thay đổi về tổ chức, chính sách và quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Công ty có kế hoạch nâng cấp khách sạn, nhà hàng và đầu tư nghiên cứu một số sản phẩm mới về rượu Mẫu Sơn và mở rộng thị trường du lịch sang một số nước châu á.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: (tiêu thụ nước, năng lượng, rác thải...)

Công ty thực hiện kinh doanh chính là khách sạn, nhà hàng, sản xuất sản phẩm rượu Mẫu Sơn từ nguyên liệu thu mua của bà con Xã Công Sơn, những ngành nghề dịch vụ yêu cầu vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm được đưa lên hàng đầu nên công ty rất chú trọng và thực hiện tốt. Định kỳ các cơ quan chức năng đến đo đạc về chỉ số an toàn môi trường nơi làm việc và đều đạt kết quả tốt. Công ty thực hiện thu gom rác thải và để đúng nơi quy định. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chế độ của người lao động được Công ty thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động năm 2019 và Luật bảo hiểm xã hội. Các chế độ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, nghỉ phép, nghỉ lễ tết, tiền lương, lao động đều được công ty đóng các chế độ như BHXH, BHYT, BHTN, bảo hiểm TNL-BNN. Mặc dù công ty gặp khó khăn nhwngcacs chế độ và lương thưởng đều thực hiện tốt. Người lao động được tạo điều kiện tham gia tổ chức đảng, tổ chức công đoàn. Người lao động được thăm hỏi khi ốm đau cả vật chất lẫn tinh thần, Công ty

phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức cho người lao động đi tham quan học tập kinh nghiệm, trải nghiệm nhân dịp ngày phụ nữ Việt Nam 20/10 ... tổ chức cho con em cán bộ vui tết thiếu nhi 1/6, tết trung thu ...

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tham gia công tác xã hội và các hoạt động cộng đồng, gồm các hoạt động như: Ủng hộ quỹ Mái ấm công đoàn, Tặng học bổng các cháu xã Công Sơn đang học đại học (04 cháu), ủng hộ Liên đoàn Thành phố tổ chức tết Trung Thu, Ủng hộ kinh phí tổ chức Lễ hội Trăng rằm Xứ Lạng, ủng hộ kinh phí Tổ chức ngày hội Doanh nhân của Hiệp hội doanh nghiệp, ủng hộ thành phố Lạng Sơn tổ chức 20 năm ngày thành lập và đón nhận huân chương lao động hạng Ba với tổng số tiền là: 53.140.000 đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Về nhân sự: Không thay đổi

- Về sản xuất kinh doanh: Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu Mẫu Sơn, đẩy mạnh các hoạt động quảng cáo, tiếp thị đến khách hàng sau một thời gian bị ngừng trệ do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Mặc dù kết quả kinh doanh chưa đạt những đã có lợi nhuận.

- Về trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, rác thải đều được thu gom xử lý đúng quy định, trong năm không bị xử lý vi phạm về môi trường. Đối với công tác xã hội Công ty tham gia các hoạt động cộng đồng, từ thiện do địa phương tổ chức và vẫn duy trì việc trao học bổng cho con em xã Công Sơn thi đỗ và đang học đại học tại các trường đại học trong cả nước. Tổng số tiền đóng góp cho các hoạt động cộng đồng là: 53.140.000 đồng ...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Năm 2022 Ban giám đốc điều hành công ty đã tổ chức điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp. Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT. Chủ động đưa ra các giải pháp để cùng Trưởng các chi nhánh triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do 06 tháng đầu năm vẫn bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng, kết quả kinh doanh đã có lãi tuy không đạt theo kế hoạch đề ra, các chế độ của người lao động về lương, bảo hiểm đã được công ty quan tâm trả và đóng đầy đủ không nợ đọng, lao động nghỉ việc thấp. Tập thể công ty gắn bó đoàn kết.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tổ chức các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị hoặc họp bất thường để đưa ra các chiến lược định hướng phát triển công ty. Hàng quý đánh giá hoạt động điều hành của Ban giám đốc và các chi nhánh trực thuộc để kịp thời đưa ra các định hướng kinh doanh phù hợp, hoàn thành tốt kế hoạch đề ra

Thực hiện đúng chế độ thông tin báo cáo, thông tin minh bạch, công khai tình hình quản trị công ty cho các cổ đông, cho nhà đầu tư và các cơ quan chức năng, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.

Chi đạo, giám sát Ban giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, thực hiện chính sách tiết kiệm, giảm chi phí không phù hợp.

Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh lao động. Giữ gìn môi trường Xanh – Sạch – Đẹp; tham gia các hoạt động cộng đồng và xã hội do địa phương tổ chức.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Thành viên hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2022 và đến thời điểm báo cáo:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT	784.301	19,81	- Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH Thảo Viên; Giám đốc Công ty CP đầu tư và thương mại Thảo Linh Lạng Sơn - Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
2	Đậu Trường Sinh	Ủy viên HĐQT	558.042 CP	14,09	Tổng Giám đốc Công ty CP Du lịch và XNK Lạng Sơn
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	162.897CP	4,11%	Thành viên không điều hành (Thành viên HĐQT của công ty TNHH Thảo Viên)

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ thành tháng, quý theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đầy đủ và có tính trách nhiệm cao. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được ban hành đúng chức năng, quyền hạn phù hợp với nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và đúng quy định của pháp luật.

Năm 2022 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 13 cuộc họp, các cuộc họp đều lập thành biên bản và ban hành nghị quyết, quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty, đồng thời đánh giá giá sát hoạt động của Ban tổng giám đốc.

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Ngày	Nội dung	Số Nghị quyết/Quyết định
1	24/3/2022	BB chốt danh sách quyền tham dự đại hội thường niên năm 2022; thời gian tổ chức Đại hội đồng CĐT năm 2022; Thông qua nội dung chương trình đại hội; thành lập ban tổ chức đại hội, ban kiểm tra tư cách cổ đông, các tiểu ban phục vụ đại hội.	02/BB-HĐQT
2	25/3/2022	Nghị quyết v/v tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	03/NQ-HĐQT
3	20/4/2022	BB hợp sơ kết hoạt động kinh doanh quý I/2022, triển khai nhiệm vụ quý II/2022.	04a/BB-HĐQT
4	04/5/2022	Biên bản thống nhất về thời gian, địa điểm, nội dung, chương trình đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; thành lập ban tổ chức đại hội, thông qua các nội dung chương trình đại hội.	05/BB-HĐQT

5	05/05/2022	Nghị quyết v/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	06/NQ-HĐQT
6	05/5/2022	Quyết định thành lập Ban tổ chức đại hội, ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/QĐ-HĐQT
7	01/6/2022	Biên bản họp tổng hợp danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn (lần 1)	10/BB-HĐQT
8	07/6/2022	Biên bản họp tổng hợp danh sách đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn (lần 2)	10a/BB-HĐQT
9	10/6/2022	Biên bản họp HĐQT Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn phiên thứ nhất nhiệm kỳ 2022-2027	14/BB-HĐQT
10	10/6/2022	Nghị quyết v/v bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027	15/NQ-HĐQT
11	24/07/2022	BB họp sơ kết hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2022, triển khai nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2022.	17/BB-HĐQT
12	26/12/2022	Biên bản họp Hội đồng quản trị v/v phê duyệt kết quả xét phân loại lao động, thi đua khen thưởng năm 2022; tiền lương và ký hợp đồng lao động năm 2023.	18/BB-HĐQT
13	26/12/2022	Biên bản họp đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022 và triển khai công tác năm 2023.	19/BB-HĐQT

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ CP có quyền biểu quyết (%)	Ghi chú
1	Đỗ Thu Huyền	Trưởng ban kiểm soát	64.843	1,63	
2	Bé Thị Thu Hương	Ủy viên ban kiểm soát	500	0,01	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát : Năm 2022 Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Ban theo quy định như:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty CP du lịch và XNK Lạng Sơn. Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức trách, nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Tổng giám đốc Công ty, cụ thể:

+ Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị.

+ Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam.

+ Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý tài chính, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

- Trong năm Ban Kiểm Soát đã tổ chức 02 cuộc họp, bao gồm thẩm định báo cáo tài chính năm 2021, thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát trình đại hội thường niên năm 2022; giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và giám sát quản lý điều hành của Ban giám đốc. Ban kiểm soát được tham gia đầy đủ các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị (như nêu tại mục c.1.V)

Ban kiểm soát hoạt động đúng quy định của Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích đến thời điểm 31/12/2022:

TT	Họ và tên	Chức danh	Lương và các khoản phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Lợi ích	Cộng
1	Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm phó tổng giám đốc	195.326.924	3.000.000	0	0	198.326.924
2	Đậu Trường Sinh	UV HĐQT, Phó tổng giám đốc, thư ký công ty, kiêm giám đốc KS Hoa Sim	221.060.431	5.000.000			226.060.431
3	Vũ Mộng Nương	Ủy viên HĐQT	30.000.000		0	0	30.000.000
4	Đỗ Thu Huyền	Ủy viên BKS	21.600.000		0	0	21.600.000
5	Bê Thị Thu Hương	Ủy viên BKS	111.942.307	1.000.000			112.942.307
6	Nguyễn Mai Thương		10.000.000				10.000.000
7	Lê Văn Do	Kế toán trưởng kiêm trưởng phòng TCKT	136.541.200	3.000.000	0	0	139.541.200
Tổng cộng			726.470.862	12.000.000			738.470.862

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn :

Trong năm 2022 cổ đông nội bộ, người có liên quan, cổ đông lớn hiện giao dịch mua, bán cổ phần như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Người nội bộ/người có liên quan	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Kim Thảo	Người nội bộ	0	0	748.301	19,81%	Mua CP
2	Công ty TNHH Thảo viên	Tổ chức có liên quan của người nội bộ	748.301	19,81%	0	0	Bán CP
3	Nguyễn Thị Xoan	Cổ đông lớn	233.000	5,88%	146.482	3,701%	Bán CP

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện chế độ thông tin báo cáo cơ quan chức năng định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện công bố thông tin bất thường, định kỳ trên trang điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và trên trang điện tử của Công ty đúng quy định.

VI. Báo cáo tài chính

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên, Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.4 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính, theo đó Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên (bên liên quan) ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2022 là 22.849.419.160 đồng mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

Mẫu số B 01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN		Mã số	Thu yết minh	31/12/2022	Đơn vị tính: VND 01/01/2022
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		13,730,712,540	12,893,172,497
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	7,746,815,962	6,492,863,934
1	Tiền	111		2,746,815,962	6,492,863,934
2	Các khoản tương đương tiền	112		5,000,000,000	-
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,927,708,839	1,909,392,697
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	918,496,580	494,259,834
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	34,650,000	390,998,000
3	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	981,987,259	1,026,004,863
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7,425,000)	(1,870,000)
IV	Hàng tồn kho	140		3,909,898,238	4,194,833,365
1	Hàng tồn kho	141	V.5.	3,909,898,238	4,233,797,568
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(38,964,203)
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		146,289,501	296,082,501
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	-	136,070,726
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.	146,289,501	160,011,775

B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31,403,968,457	31,463,442,746
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		23,269,419,160	21,576,869,593
1	Phải thu dài hạn khác	216	V.4.	23,269,419,160	21,576,869,593
II	Tài sản cố định	220		5,518,135,014	6,985,151,637
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	5,518,135,014	6,985,151,637
-	Nguyên giá	222		25,918,644,885	25,918,644,885
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20,400,509,871)	(18,933,493,248)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	-	-
-	Nguyên giá	228		97,500,000	97,500,000
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97,500,000)	(97,500,000)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		635,490,455	635,490,455
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6.	635,490,455	635,490,455
V	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI	Tài sản dài hạn khác	260		1,980,923,828	2,265,931,061
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1,980,923,828	2,265,931,061
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		45,134,680,997	44,356,615,243
NGUỒN VỐN		Mã số	Thu yết minh	31/12/2022	01/01/2022
Đơn vị tính: VND					
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		1,565,326,445	1,296,630,060
I	Nợ ngắn hạn	310		1,535,326,445	1,246,630,060
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	20,535,000	65,344,284
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	369,768,468	146,818,210
3	Phải trả người lao động	314		164,226,462	-
4	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13.	106,666,667	460,745,453
5	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12.	461,880,257	54,972,522
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	16,000,000	55,000,000
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		396,249,591	463,749,591
II	Nợ dài hạn	330		30,000,000	50,000,000
1	Phải trả dài hạn khác	337	V.12.	30,000,000	50,000,000
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		43,569,354,552	43,059,985,183
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	43,569,354,552	43,059,985,183
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		39,579,000,000	39,579,000,000
-	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39,579,000,000	39,579,000,000
2	Quỹ đầu tư phát triển	418		3,395,147,734	3,395,147,734

		16		
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	595,206,818	85,837,449
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	85,837,449	127,587,686
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b	509,369,369	(41,750,237)
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440=300+400)		440	45,134,680,997	44,356,615,243

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Đơn vị tính: VND Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	16,310,765,369	13,892,821,666
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		16,310,765,369	13,892,821,666
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	14,124,462,511	12,101,092,827
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2,186,302,858	1,791,728,839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1,713,740,962	1,668,491,769
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	-	2,000,000
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	874,162,090	1,551,036,744
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	2,302,486,985	1,853,349,629
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		723,394,745	53,834,235
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	8,217,314	35,000,001
12. Chi phí khác	32	VI.6.	62,920,278	102,705,904
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(54,702,964)	(67,705,903)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		668,691,781	(13,871,668)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	159,322,412	27,878,569
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		509,369,369	(41,750,237)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	128.70	(10.55)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày
31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17,030,352,804	14,727,500,191
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(10,357,334,492)	(11,397,936,171)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3,955,089,152)	(3,084,332,133)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(287,374,725)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,059,899,200	2,345,290,200
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5,506,067,727)	(3,129,513,923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,271,760,633	(826,366,561)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(520,353,320)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	52,000,000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21,191,395	41,040,262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		21,191,395	(427,313,058)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		136,000,000	55,000,000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(175,000,000)	(170,000,000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(121,835,340)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(39,000,000)	(236,835,340)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		1,253,952,028	(1,490,514,959)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6,492,863,934	7,983,378,893
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	7,746,815,962	6,492,863,934

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hoá Công ty Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn theo Quyết định số 1710/QĐ- UBND-KT ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900101456, đăng ký lần đầu ngày 10/03/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 16/12/2019.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 ngày 16 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là **39.579.000.000 đồng** (Ba mươi chín tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông trên Sàn giao dịch chứng khoán UPCOM với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DXL, số lượng cổ phiếu đang lưu hành là: 3.957.900 cổ phiếu.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ Du lịch lữ hành; Sản xuất rượu.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi trường lao động, việc làm
- Bán buôn thực phẩm

Trụ sở Công ty tại: Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, gồm:

Tên	Địa chỉ
Trung tâm điều hành hướng dẫn du lịch	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Khách sạn Hoa Sim	Số 1A, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Xí nghiệp Rượu Mẫu Sơn	Số 88 đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
Nhà hàng Nam Kai	Số 53 Lương Văn Chi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại 31/12/2022 là 49 người (tại 31/12/2021: 47 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền trong trường hợp là hàng hóa và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05-45
Máy móc, thiết bị	03-20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06-08
Tài sản cố định khác	04-25

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm

tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm phần mềm quản lý

Chương trình phần mềm

Nguyên giá của phần mềm quản lý là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí xây dựng Công trình khách sạn Hoa Sim, được ghi nhận theo giá gốc, phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê địa điểm kinh doanh; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê mặt bằng, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán rượu, cung cấp dịch vụ nhà hàng, du lịch.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

16.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế.

Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty áp dụng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 65% đối với sản phẩm rượu từ 20 độ cồn trở lên.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền	2,746,815,962	6,492,863,934
Tiền mặt	1,560,529,357	2,243,823,353
Tiền gửi ngân hàng	1,186,286,605	4,249,090,581

Các khoản tương đương tiền	5,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5,000,000,000
- CN Lạng Sơn (*)	

Cộng **7,746,815,962** **6,492,863,934**

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/HĐTG-CTTL ngày 30/12/2022 với số tiền 5.000.000.000 đồng, lãi suất 4,6%/năm, kỳ hạn 1 tháng, lãi trả cuối kỳ. Hợp đồng tự động quay vòng đến ngày đáo hạn.

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Sở giáo dục đào tạo tỉnh Lạng Sơn	96,865,000	-	189,352,000	-
Công ty Bảo Hiểm Bưu Điện Lạng Sơn	-	-	44,800,000	-
Công ty TNHH Trọng Tín (Nguyễn Quỳnh Nương)	5,365,000	-	40,039,994	-
Sở lao động thương binh XH tỉnh LS	138,945,000	-	-	-
Sở văn hoá thể thao & du lịch tỉnh Lạng Sơn	106,060,000	-	-	-
Công ty CP Quảng Cáo RED Việt Nam	24,750,000	(7,425,000)	-	-
Các đối tượng khác	546,511,580	-	220,067,840	-
Cộng	918,496,580	(7,425,000)	494,259,834	(1,870,000)

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trả trước tiền mua nguyên liệu rượu	-	390,998,000
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	34,650,000	-
Cộng	34,650,000	390,998,000

4. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	981,987,259	-	1,026,004,863	-
Phải thu khác	981,987,259	-	804,004,863	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt nguyên liệu rượu đầu vào	981,987,259	-	804,004,863	-
Tạm ứng	-	-	222,000,000	-
Nguyễn Thị Thùy	-	-	222,000,000	-
b) Dài hạn	23,269,419,160	-	21,576,869,593	-

Phải thu khác	22,849,419,160	-	21,156,869,593	-
<i>Công ty TNHH Thảo Viên (1)</i>	22,849,419,160	-	21,156,869,593	-
Ký cược, ký quỹ	420,000,000	-	420,000,000	-
<i>Ký quỹ hoạt động du lịch lữ hành (2)</i>	120,000,000	-	120,000,000	-
<i>Ký quỹ hoạt động kinh doanh dịch vụ việc làm (3)</i>	300,000,000	-	300,000,000	-
Cộng	24,251,406,419	-	22,602,874,456	-

(*) Hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 35/HĐHTKD ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn và Công ty TNHH Thảo Viên về xây dựng khu Dân cư khối 3, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn. Thời gian hợp tác là 2 năm kể từ ngày 31/12/2020 đến hết ngày 31/12/2022. Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn được hưởng lợi nhuận là 8%/năm không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án. Tiền đầu tư chuyển từ gốc và lãi cho vay đến ngày 31/12/2022 là 22.849.419.160 đồng mà Công ty TNHH Thảo Viên phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn.

(**) Ký quỹ hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, với số tiền 420.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,4%/năm

(3) Ký quỹ theo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 08/704627/HĐTG ngày 27/11/2017 tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Lạng Sơn, với số tiền 120.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,9%/năm, phương thức trả lãi cuối kỳ. Khoản ký quỹ này có kèm theo Giấy chứng nhận tiền ký quỹ của Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm ngày 27/11/2017.

c) Phải thu khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

5. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3,425,216,055	-	3,532,971,549	(38,964,203)
Thành phẩm	411,286,867	-	457,369,028	-
Hàng hóa	73,395,316	-	243,456,991	-
Cộng	3,909,898,238	-	4,233,797,568	(39,964,203)

6. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Công trình khách sạn Hoa Sim	635,490,455	635,490,455
Cộng	635,490,455	635,490,455

7. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2022	20,892,267,729	3,115,212,146	1,911,165,010	25,918,644,885

Số dư ngày 31/12/2022	20,892,267,729	3,115,212,146	1,911,165,010	25,918,644,885
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư ngày 01/01/2022	15,664,150,983	2,262,492,388	1,006,849,877	18,933,493,248
Khấu hao trong năm	1,025,676,507	219,278,748	222,061,368	1,467,016,623
Số dư ngày 31/12/2022	16,689,827,490	2,481,771,136	1,228,911,245	20,400,509,871
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	5,228,116,746	852,719,758	904,315,133	6,985,151,637
Tại ngày 31/12/2022	4,202,440,239	633,441,010	682,253,765	5,518,135,014
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.406.378.513 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 6.081.153.074 VND)				

8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2022	97,500,000	97,500,000	
Số dư ngày 31/12/2022	97,500,000	97,500,000	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2022	97,500,000	97,500,000	
Số dư ngày 31/12/2022	97,500,000	97,500,000	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	-	-	
Tại ngày 31/12/2022	-	-	
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 97.500.000 VND (Tại thời điểm 31/12/2021 là: 97.500.000 đồng)			

9. Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	136,070,726
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	-	136,070,726
b) Dài hạn	1,980,923,828	2,265,931,061
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1,717,150,800	2,265,931,061
Chi phí sửa chữa Khách sạn Hoa Sim	263,773,028	-
Cộng	<u>1,980,923,828</u>	<u>2,402,001,787</u>

10. Phải trả người bán

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Hoàng Thị Khánh	-	-	27,570,000	27,570,000
Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường	20,535,000	20,535,000	-	-

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hùng Đạt	-	-	26,818,182	26,818,182
Nguyễn Bá Phúc	-	-	10,500,000	10,500,000
Đối tượng khác	-	-	456,102	456,102
Cộng	20,535,000	20,535,000	65,344,284	64,888,182
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2022
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	132,833,110	1,485,400,631	1,313,495,366	304,738,375
Thuế tiêu thụ đặc biệt	13,789,467	594,719,279	556,917,777	51,590,969
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12,628,432	-	12,628,432
Thuế thu nhập cá nhân	195,633	3,563,116	2,948,057	810,692
Các loại thuế khác	-	7,000,000	7,000,000	-
Cộng	146,818,210	2,103,311,458	1,880,361,200	369,768,468
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	146,693,980	146,693,980	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13,317,795	362,128,417	495,100,123	146,289,501
Cộng	160,011,775	508,822,397	495,100,123	146,289,501
12. Phải trả khác			31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
a) Ngắn hạn			461,880,257	54,972,522
Kinh phí công đoàn			117,000	-
Bảo hiểm xã hội			3,619,480	9,104,342
Các khoản phải trả, phải nộp khác.			458,143,777	45,868,180
Khách sạn Hoa sim			159,634,111	-
Hoàng Thị Mỹ Du			260,858,000	-
Các đối tượng khác			37,651,666	45,868,180
b) Dài hạn			30,000,000	50,000,000
Nhận ký quỹ ký cược			30,000,000	50,000,000
Nguyễn Thị Nga - Ký quỹ thuê địa điểm kinh doanh			30,000,000	50,000,000
Cộng			491,880,257	104,972,522
13. Doanh thu chưa thực hiện			31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
Ngắn hạn				
Doanh thu cho thuê địa điểm kinh doanh			106,666,667	460,745,453
Cộng			106,666,667	460,745,453

14. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND
					Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>					
Lê Như Quỳnh (1)	-	-	-	55,000,000	55,000,000
Phạm Thị Hoa Mai (2)	-	-	70,000,000	70,000,000	-
Bùi Thị Phương Mai (3)	16,000,000	16,000,000	66,000,000	50,000,000	-
Cộng	16,000,000	16,000,000	136,000,000	175,000,000	55,000,000

(1) Hợp đồng vay cá nhân bà Lê Như Quỳnh với tổng số tiền 55.000.000 VND thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%, khoản vay đã tất toán trong năm.

(2) Hợp đồng vay cá nhân bà Phạm Thị Hoa Mai với số tiền 70.000.000 VND lãi suất 0%, khoản vay đã tất toán trong năm.

(3) Hợp đồng vay cá nhân bà Bùi Thị Phương Mai với số tiền 66.000.000 VND thời hạn vay 1 năm, lãi suất 0%. Khoản vay đã được tất toán 50.000.000 VND trong năm.

15. **Vốn chủ sở hữu**a) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	39,579,000,000	127,587,686	39,706,587,686
Lỗ trong năm trước	-	(41,750,237)	(41,750,237)
Số dư tại ngày 31/12/2021	39,579,000,000	85,837,449	39,664,837,449
Lãi trong năm nay	-	509,369,369	509,369,369
Số dư tại ngày 31/12/2022	39,579,000,000	595,206,818	40,174,206,818

b) *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Nguyễn Kim Thảo	7,843,010,000	-
Công ty TNHH Thảo Viên	-	7,843,010,000
Vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài	8,237,600,000	8,237,600,000
<i>Công ty CP Quốc tế Lạng Sơn</i>	537,600,000	537,600,000
<i>Công ty TNHH Vui chơi giải trí và Du lịch Thái Dương</i>	200,000,000	200,000,000
<i>Bà Nguyễn Tiểu Mai (nhận thừa kế từ ông Nguyễn Chính Nghĩa quốc tịch Đài Loan)</i>	7,500,000,000	7,500,000,000
Các cổ đông khác	23,498,390,000	23,498,390,000
Cộng	39,579,000,000	39,579,000,000

c) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39,579,000,000	39,579,000,000
Vốn góp đầu năm	39,579,000,000	39,579,000,000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	39,579,000,000	39,579,000,000

d) *Cổ phiếu*

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3,957,900	3,957,900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3,957,900	3,957,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3,957,900	3,957,900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,957,900	3,957,900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3,957,900	3,957,900
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

Khoản mục	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	3,395,147,734	-	-	3,395,147,734
Cộng	3,395,147,734	-	-	3,395,147,734

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>a) Doanh thu</i>		
Doanh thu bán hàng	657,297,547	642,989,732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15,653,467,822	13,249,831,934
Cộng	16,310,765,369	13,892,821,666

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng	926,791,576	726,620,149
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13,198,526,363	11,374,472,678
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(855,428)
Cộng	14,124,462,511	12,101,092,827

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	21,191,395	41,040,262
Tiền thu từ hợp tác kinh doanh	1,692,549,567	1,627,451,507
Cộng	1,713,740,962	1,668,491,769

4. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi ký quỹ thuê ki ốt kinh doanh	-	2,000,000
Cộng	-	2,000,000

5. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND

Thu nhập khác	8,217,314	35,000,001
Cộng	8,217,314	35,000,001
6. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí phạt lĩnh vực thuế	2,920,277	2,634,303
Chi phí phạt của UBCK	60,000,000	100,000,000
Chi phí khác	1	71,601
Cộng	62,920,278	102,705,904
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</i>	<i>874,162,090</i>	<i>1,551,036,744</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	869,200,137	
Chi phí bằng tiền khác	4,961,953	1,543,409,836
<i>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>2,304,356,985</i>	<i>2,371,349,629</i>
Chi phí nhân viên quản lý	900,305,383	1,226,741,472
Chi phí đồ dùng văn phòng	62,086,727	54,079,290
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	222,061,368	222,061,368
Thuế, phí và lệ phí	115,307,582	12,605,826
Chi phí dự phòng	7,425,000	1,870,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	908,429,925	809,841,673
Chi phí bằng tiền khác	88,741,000	44,150,000
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>(1,870,000)</i>	<i>(518,000,000)</i>
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1,870,000)	(518,000,000)
Cộng	3,176,649,075	3,404,386,373
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6,484,438,063	6,292,464,780
Chi phí nhân công	3,683,028,381	3,683,028,381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,467,016,623	1,613,190,942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,424,199,870	2,424,199,870
Chi phí khác bằng tiền	1,326,850,521	1,326,850,521
Cộng	15,385,533,458	15,339,734,494
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	668,691,781	(13,871,668)
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	127,920,277	142,504,303
Lỗi được chuyển và bù trừ lẫn lộn các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	796,612,058	128,632,635
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	159,322,412	25,726,527
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm	-	7,717,958
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo kết luận thanh tra thuế	-	9,870,000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	159,322,412	27,878,569

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	509,369,369	(41,750,237)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	509,369,369	(41,750,237)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3,957,900	3,957,900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	128.70	(10.55)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Cần trừ khoản vay dài hạn của công ty CP Quốc tế Lạng Sơn với vốn góp vào công ty CP Quốc tế Lạng Sơn	-	64,622,821,897
Cộng	-	64,622,821,897

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	136,000,000	55,000,000
Cộng	136,000,000	55,000,000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	175,000,000	170,000,000
Cộng	175,000,000	170,000,000

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Bà Nguyễn Kim Thảo

Công ty TNHH Thảo Viên

Mối quan hệ

Chủ tịch
HDQT

Công ty mà bà Nguyễn Kim Thảo là Giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>Bán hàng</i>		
Công ty TNHH Thảo Viên	156,210,000	151,137,148
<i>Số dư với các bên liên quan</i>		
	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty TNHH Thảo Viên	400,000	-
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH Thảo Viên	22,849,419,160	21,156,869,593
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lương của Ban Giám đốc và người quản lý	345,096,155	342,310,431
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	96,000,000	96,000,000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát	45,600,000	36,300,000

Cộng	<u><u>486,696,155</u></u>	474,610,431
-------------	---------------------------	-------------

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác			
Họ tên	Chức danh		
Đậu Trường Sinh	Tổng giám đốc	345,096,155	342,310,431
Nguyễn Kim Thảo	Phó Tổng giám đốc	185,269,231	186,021,969
		159,826,924	156,288,462
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị			
Họ tên	Chức danh		
Nguyễn Kim Thảo	Chủ tịch	96,000,000	96,000,000
Vũ Mộng Nương	Thành viên	36,000,000	36,000,000
Đậu Trường Sinh	Thành viên	30,000,000	30,000,000
		30,000,000	30,000,000
Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát			
Họ tên	Chức danh		
Đỗ Thu Huyền	Trưởng BKS	45,600,000	36,300,000
Bé Thị Thu Hương	Thành viên	21,600,000	19,800,000
Nguyễn Mai Thương	Thành viên	24,000,000	16,500,000
		8,500,000	-

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Các khoản vay	16,000,000	55,000,000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7,746,815,962	6,492,863,934
Nợ thuần	(7,730,815,962)	(6,492,863,934)
Vốn chủ sở hữu	43,569,354,552	43,059,985,183

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND

Tài sản tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền	7,746,815,962	6,492,863,934
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25,162,477,999	23,095,264,290
Cộng	32,909,293,961	29,588,128,224
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	16,000,000	55,000,000
Phải trả người bán và phải trả khác	512,415,257	170,316,806
Cộng	528,415,257	225,316,806

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<u>31/12/2022</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	482,415,257	30,000,000	512,415,257
Các khoản vay	16,000,000	-	16,000,000
<u>01/01/2022</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	120,316,806	50,000,000	170,316,806
Các khoản vay	55,000,000	-	55,000,000

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Tổng giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<u>31/12/2022</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,746,815,962	-	7,746,815,962
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1,893,058,839	23,269,419,160	25,162,477,999
<u>01/01/2022</u>	<u>Dưới 1 năm VND</u>	<u>Từ 1- 5 năm VND</u>	<u>Cộng VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,492,863,934	-	6,492,863,934
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1,518,394,697	21,576,869,593	23,095,264,290

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC



Đậu Trường Sinh

